

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 24- 01 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Ngọc Phương.

Ông Huỳnh Hoàng Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Từ Minh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh An - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 303/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thái B (tên gọi khác: Bảo), sinh năm 1993 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Số 4, đường số 7, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình T và bà Dương Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 22/6/2018.

2. Phạm Duy T, sinh năm 1988 tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: 50A Khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Khắc T và bà Phạm Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 22/6/2018.

3. Trần Văn L, sinh năm 1962 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Số 13, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị M; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị L và 04 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 23/6/2018.

4. Nguyễn Văn N, sinh năm 1993 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp H, xã C, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L; bị cáo có vợ tên Trần Thị Thúy V và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 10/7/2018.

5. Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1996 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; tạm trú: 384 Nguyễn An Ninh, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên quán Bar; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T và bà Dương Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Tháng 9/2017 bị Trưởng Công an phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt, tạm giam từ ngày 24/6/2018.

6. Võ Minh H (tên gọi khác: Du Ca), sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Tổ 6, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: Số 222 đường ĐT 743 Khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên quán Bar; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Minh H và bà Trần Thị Thanh T; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 24/6/2018.

7. Dương Chí H, sinh năm 1995 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Tổ 64, Khóm 5, Phường 11, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nhân viên quán Bar. trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị P; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 10/7/2018.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho các bị cáo:

Ông Phan Thiên V – Là Luật sư Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai, là người bào chữa cho bị cáo Phạm Duy T. Có mặt.

Ông Nguyễn Phước L - Là Luật sư Văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai, là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Phương T và bị cáo Nguyễn Văn N. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Thanh H, sinh năm 1978, nơi cư trú: Nhà số 6, lầu 10, khu K3, nhà ở xã hội Becamex, khu dân cư V, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp C, xã C, huyện T, tỉnh An Giang. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà Dương Thị H, sinh năm 1953, nơi cư trú: Số 60, đường số 2, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Bà Võ Thị Thùy T, sinh năm 1996, nơi cư trú: Tổ 6, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

- Ông Lương Văn V, sinh năm 1967, nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Hà Hữu H, sinh năm 1986, nơi cư trú: 213/13 Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hoài P, sinh năm 1995, nơi cư trú: 1/86 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Ông Đặng Phúc V, sinh năm 1982, nơi cư trú: Tổ 83, Khu phố 9, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Phương T, Võ Minh H, Nguyễn Văn N, Dương Chí H là nhân viên quán Bar D thuộc Khu phố 4, phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương và có sử dụng ma túy. Trong thời gian làm việc ở quán, biết được khách đến Bar D có nhu cầu sử dụng ma túy nên T, H, N, H đã bán ma túy cho một số khách sử dụng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 22/6/2018, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Hoàng Thái B rủ Phạm Duy T cùng góp tiền mua ma túy sử dụng thì T đồng ý, nhưng T không đủ tiền nên T nói B có tiền thì bỏ ra trước để mua ma túy, hết bao nhiêu thì chia đôi số tiền, T nợ sẽ trả sau. B đồng ý và lấy điện thoại di động có số thuê bao 0944250293 điện thoại cho Nguyễn Thị Phương T theo số 0967387617 để hỏi mua 01 (một) viên thuốc lắc với giá 300.000 đồng và ½ chাম Ketamine với giá 500.000 đồng. T đồng ý hẹn đến quán Bar D thuộc Khu phố 4, phường A để bán. T điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển số 60F1- 381.44 chở B đến điểm hẹn trên, khi đến nơi T dừng xe ở phía trước quán bar còn B đi bộ vào trong khuôn viên quán bar gặp T để mua 01 (một) viên thuốc lắc và ½ chাম Ketamine với tổng số tiền là 800.000 đồng. Khi mua được ma túy, B cầm trên tay phải đi ra rồi T chở B về địa bàn thị xã Dĩ An tìm chỗ sử dụng. Khi cả hai đi đến trước nhà số 06 đường Nguyễn Trãi thuộc khu phố Đông Tân, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bình Dương phát hiện bắt quả tang

Tang vật thu giữ gồm: 01 (một) viên nén hình chữ nhật màu hồng có ký hiệu chữ LV lồng ghép vào nhau và 01 (một) gói nylon miệng kéo dính bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 (Một) điện thoại di động Iphone màu đen có chứa sim số 0944250293 thu giữ của B; 01 (Một) điện thoại di động Iphone màu trắng có chứa sim số 0974271251 thu giữ của T; 01 (Một) xe mô tô hiệu Nouvo màu vàng đen biển số 60F1-381.44; 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thái B và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Duy T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương trưng cầu giám định vật chứng thu giữ của B và T.

Kết luận giám định số 368/MT-PC54 ngày 27/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu viên nén gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,3956 gam (M1), loại MDMA; Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3561 gam (M2), loại Ketamine.

Ngoài ra, Hoàng Thái B, Phạm Duy T còn khai nhận: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/6/2018, B rủ T cùng góp tiền mua ma túy sử dụng, mỗi người 400.000 đồng thì T đồng ý. B sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0944250293 điện thoại cho Nguyễn Thị Phương T theo số 0967387617 để mua 01 (một) viên thuốc lắc và ½ chাম Ketamine, T đồng ý bán và hẹn đến quán Bar D để bán. T điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo biển số 60F1-381.44 chở B đến trước cửa quán bar thì gặp T chờ sẵn. Tại đây, T đưa cho B số tiền 400.000 đồng, B bỏ ra thêm 400.000 đồng và đưa cho T để mua ma túy. Sau khi mua được ma túy thì T, B đem về sử dụng hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 23/6/2018, Lê Thanh H đang ở quán Bar New thuộc địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương, Hạnh dùng điện thoại số 0939231779 gọi vào số 0967545474 của N hỏi mua ma túy gồm 01 viên thuốc lắc giá 270.000 đồng và 01 chাম Ketamine được chia thành 02 bịch nhỏ với giá 900.000 đồng. N đồng ý bán và gọi vào số 01669633141 của Trần Văn L để thuê L đem ma túy đến quán Bar New giao cho H. L đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 98H2- 2923 đến trước quán Bar D gặp N và N đưa một gói quần bằng giấy bên trong có 02 (hai) gói nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng; 01 (một) viên nén dạng thuốc hình ovan màu xanh và N trả số tiền 200.000 đồng là tiền công vận chuyển. Sau khi nhận được ma túy, L điều khiển xe mô tô biển số 98H2-2923 đi giao cho H (Thành) nhưng khi đi đến khu vực ngã tư Hòa Lân thuộc phường Thuận Giao, thị xã Thuận An chưa giao cho H (Thành) thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm: 02 (hai) gói nylon miệng kéo dính bên trong có chứa tinh thể màu trắng; 01 (một) viên nén dạng thuốc hình ovan màu xanh; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, phím bấm có chứa sim thuê bao số 01669633141; 01 (một) xe mô tô kiểu dáng Honda Dream màu nhỏ, biển số 98H2-2923; số tiền 200.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương trưng cầu giám định số ma túy thu giữ của Trần Văn L. Kết luận giám định số 371/MT-PC54 ngày 28/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,7083 gam (M1), loại Ketamine; Mẫu viên nén gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,3675 gam (M2), loại MDMA.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N khai nhận: Nguồn ma túy mà N có để hoạt động mua bán là do mua của hai đối tượng tên Tùng Em, Nhóc Tư (Tư Ếch) không rõ nhân thân lai lịch, đem đến quán Bar D bán cho N với giá 270.000 đồng/viên thuốc lắc; 900.000 đồng/chাম Ketamine rồi N cất giấu tại tủ điện bên hông quán bar hoặc vách tole sát bên tủ điện hoặc mượn ma túy của T, H đem bán cho khách mua sử dụng với giá 300.000 đồng/viên thuốc lắc; từ 1.000.000 đồng đến 1.200.000 đồng/chাম Ketamine. Những người mua ma túy của N gồm các đối tượng: Muôn Mập, Bi (không rõ nhân thân lai lịch) và Lê Thanh H (Thành).

Vụ thứ ba: Vào khoảng 00 giờ 00 phút ngày 24/6/2018, có một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) điện thoại mua ma túy (20 viên thuốc lắc với giá 270.000 đồng /viên và 01 chাম khay với giá 1.000.000 đồng/chাম) của T, T đồng ý bán và hẹn khách đến trước quán Bar D để nhận. Do T chỉ còn 08 viên thuốc lắc nên T mượn của Dương Chí H 01 chাম khay để bán cho khách, H đồng ý và đi đến tủ điện bên hông quán bar lấy 01 chাম Ketamine giao trực tiếp cho T. T tiếp tục điện thoại cho Võ Minh H để mượn 12 viên thuốc lắc để bán cho khách, H đồng ý và T đi đến tủ điện được mắc trên trụ điện ở bên cạnh quán Bar D lấy 12 viên thuốc lắc màu hồng mà H giấu từ trước. Sau khi có đủ số lượng ma túy theo yêu cầu của khách thì T bỏ vào trong một bịch nylon miệng kéo dính để đi giao cho khách thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm: 16 (mười sáu) viên nén hình chữ nhật màu hồng có in chữ nổi “LV” lồng ghép vào nhau; 04 (bốn) viên nén hình hoa mai màu xanh nhạt có in chữ chìm “Chupa Chugs”; 01 (Một) gói nylon hàn kín bên trong chứa chất bột màu trắng.

Kết luận giám định số 373/MT-PC54 ngày 29/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu viên nén (16 viên) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 6,2831 gam (M1), loại MDMA, Ketamine; Mẫu viên nén (04 viên) gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,6140 gam (M2), loại MDMA; Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3626 gam (M3), loại Ketamine.

Quá trình điều tra, T khai nhận: Nguồn ma túy có đề hoạt động là mua của đối tượng Ri, Ty, Nhóc Tư (Tư Éch), Tùng Em (không rõ nhân thân, lai lịch) hoặc khi hết ma túy để bán cho khách thì các bị cáo T, N, H, H mượn, mua lại ma túy của nhau và trả lại bằng ma túy với số lượng tương đương hoặc trả bằng tiền với giá gốc từ 250.000 đồng đến 270.000 đồng/viên thuốc lắc; 800.000 đồng đến 900.000 đồng/chাম Khay (Ketamine), 50.000 đồng/điều cỏ Mỹ, sau đó bán lại cho khách mua sử dụng với giá là 300.000 đồng/viên thuốc lắc, 1.000.000 đồng/chাম Ketamine, 100.000 đồng/điều cỏ Mỹ.

Ngoài ra, T còn khai nhận: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/6/2018 và ngày 22/6/2018 T đã bán ma túy cho Hoàng T, Phạm Duy T. Cụ thể: B sử dụng điện thoại số 0944250293 liên lạc với T qua số 0967387617 hỏi mua 01 (một) viên thuốc lắc với giá 300.000 đồng và ½ chাম Ketamine với giá 500.000 đồng. T đồng ý bán và hẹn B, T đến trước quán Bar D để bán. Khi đến nơi, T đem ma túy ra bán cho B, T.

Trên cơ sở lời khai của T, đến 14 giờ 50 phút ngày 24/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Võ Minh H về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Khám xét nơi ở Võ Minh H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương còn phát hiện và thu giữ: 01 (một) viên thuốc dạng nén màu xanh đã bị bể; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 93C1-108.42, số khung RLHJF 5815GY608556, số máy JF66E0608592; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng có gắn sim thuê bao số 0978078669, 01 hộp Doublemint.

Kết luận giám định số 374/MT-PC54 ngày 29/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu viên nén gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2880 gam, loại MDMA.

Qua trình điều tra, H khai nhận: Nguồn ma túy mà H có để hoạt động mua bán là do mua của đối tượng tên Ty (không rõ nhân thân lai lịch) rồi cất giấu trong tủ điện bên hông quán bar, cất giấu trong vách ngăn giữa buồng vệ sinh nữ hoặc mua lại ma túy của Trinh với giá từ 250.000 đồng đến 270.000 đồng/viên thuốc lắc; 800.000 đồng đến 900.000 đồng/chăm Khay (Ketamine), sau đó bán lại cho khách mua sử dụng với giá là 300.000 đồng/viên thuốc lắc, 1.000.000 đồng/chăm Ketamine. Những khách mua ma túy của H gồm các đối tượng tên Hưng quê Thanh Hoá, Kiều, Tuấn, Minh, Thuỷ, Hoa, Hùng (không rõ nhân thân lai lịch).

Đối với 01(một) viên thuốc dạng nén màu xanh đã bị bắt giữ tại phòng trọ của H là do một người khách đến chơi cho H để sử dụng cùng với khách nhưng H không sử dụng mà đem về phòng trọ cất giấu trong ly thủy tinh để trên tủ đựng chén đĩa nhằm mục đích sử dụng. Ngày 24/6/2018, khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tiến hành giữ khẩn cấp đối với H đã phát hiện, thu giữ.

Ngày 10/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy đối với Dương Chí H. Quá trình bắt giữ tạm giữ: 01 (một) điện thoại di động màu vàng, bên ngoài có ghi chữ Iphone, số Imei 355379070395867 gắn sim 01699211494; 01 (một) điện thoại di động màu vàng trắng, bên ngoài có ghi chữ Iphone, số Imei 352026061877642. Qua trình điều tra, H khai nhận: Nguồn ma túy mà có để hoạt động mua bán là do H mua của T, N, H với giá từ 250.000 đồng/viên thuốc lắc; 800.000 đồng/chăm Ketamine, 50.000 đồng/điều cỏ Mỹ rồi cất giấu tại tủ điện bên hông quán bar sau đó đem bán cho khách mua sử dụng với giá 300.000 đồng/viên thuốc lắc; 1.000.000 đồng/chăm Ketamine; 100.000 đồng/điều cỏ Mỹ.

Cáo trạng số 08/CT-VKS-TA ngày 14/12/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Hoàng Thái B, Phạm Duy T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Trần Văn L về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Chí H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Võ Minh H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định như bản cáo trạng đã truy tố và xác định: Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo B có cha được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương; cha bị cáo T có giấy chứng nhận dưỡng già.

Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T mức án tù 07 năm đến 08 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Võ Minh H mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt là 03 năm đến 04 năm tù; xử phạt bị cáo Dương Chí H mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Văn L mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Hoàng Thái B mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; xử phạt bị cáo Phạm Duy T mức án tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm: Bì thư niêm phong ký hiệu 368/PC54, bì thư niêm phong ký hiệu 371/PC54, bì thư niêm phong ký hiệu 373/PC54, bì thư niêm phong ký hiệu 374/PC54.

- Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone màu đen có gắn sim thuê bao số 0944250293 thu giữ của B là phương tiện sử dụng để mua ma túy của T; 01 xe mô tô hiệu Nouvo màu vàng đen biển số 60F1-381.44 do Phạm Duy T đứng tên sở hữu và sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy; 01 điện thoại di động Samsung màu trắng có gắn sim thuê bao số 01669633141, số tiền 200.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 98H2-2923, số khung LLCLXL30XY0036526, số máy VDP1P52FMH701086 thu giữ của bị cáo L là phương tiện để liên lạc giao ma túy và tiền công vận chuyển; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen có gắn sim thuê bao số 0967545474 là phương tiện bị cáo N sử dụng để liên lạc mua bán ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen trắng có gắn sim thuê bao số 0967387617 mà bị cáo T sử dụng để liên lạc mua bán ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng có gắn sim thuê bao số 0978078669 là phương tiện bị cáo H sử dụng để liên lạc mua bán ma túy; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, số Imei 355379070395867, có gắn sim thuê bao số 01699211494 và chiếc điện thoại Iphone màu vàng trắng, số IMEI 352026061877642, không gắn sim thuê bao đều là tài sản cá nhân của bị cáo H nhưng H sử dụng liên lạc cho việc mua bán ma túy.

- Đề nghị trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 8.500.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số 9704050724794024.

- Trả cho Phạm Duy T 01 điện thoại di động Iphone màu trắng có gắn sim thuê bao số 0974271251 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Duy T.

- Trả cho Hoàng Thái B 01 chứng minh nhân dân.

- Trả cho Nguyễn Thị Phương T 01 chứng minh nhân dân.

- Trả cho Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu bạc có gắn sim thuê bao số 01655081812.

- Trả cho bị cáo H 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 93C1-108.42, số khung RLHJF 5815GY608556, số máy JF66E-0608592.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo đã ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Ông Phan Thiên V là người bào chữa cho bị cáo Phạm Duy T trình bày: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh bị cáo T đã thực hiện. Tuy nhiên, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo T là do bị cáo tàng trữ để sử dụng, việc bị cáo phạm tội là nạn nhân của tệ nạn ma túy, bị cáo phạm tội mang tính thụ động do người khác rủ rê. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có cha là Phạm Khắc T là cựu chiến binh, bị thương tật do chiến tranh, được tặng thưởng Huân chương, được công nhận là dũng sỹ. Xét thấy mức đề nghị hình phạt của Kiểm sát viên là còn cao so với hành vi bị cáo đã thực hiện nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Ông Nguyễn Phước L là người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Phương T trình bày: Đối với bị cáo N, thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố. Quá trình tố tụng bị cáo N đã tự nguyện thành khẩn khai báo. Qua xét hỏi tại phiên tòa hôm nay cũng đã xác định, bị cáo N có bán cho Lê Thanh H một lần, có thu giữ được ma túy, những lần khác bị cáo không xác định được, ông H cũng không xác định được việc mua ma túy lần trước của bị cáo N là loại ma túy gì, số lượng bao nhiêu. Đối với lời khai của bị cáo H thì tại phiên tòa H khai rõ chỉ mượn ma túy của N chứ không mua bán, bị cáo N cũng không bán ma túy cho H mà chỉ cho H mượn ma túy để H bán lại cho khách và hiện nay H cũng trả lại ma túy cho N do đó người bào chữa không đồng ý với việc Tòa án xét xử bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự mà có căn cứ xét xử bị cáo theo cáo trạng truy tố. Việc phạm tội của bị cáo xuất phát từ môi trường làm việc phức tạp, việc phạm tội cũng chỉ vì mục đích để có ma túy sử dụng. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo còn trẻ, có nhân tốt, là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt 02 năm tù cho bị cáo.

Đối với bị cáo T: Thống nhất về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo là phụ nữ, tuổi đời còn trẻ do môi trường làm việc nên dẫn đến hành vi phạm tội chứ không phải vì mục đích lợi nhuận từ việc mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo còn trẻ, có nhân tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Cơ quan Điều tra Công an thị xã Thuận An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng

khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo thống nhất với nhau, phù hợp với các tình tiết như bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội và vật chứng thu giữ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Võ Minh H, Nguyễn Văn N, Dương Chí H là nhân viên quán Bar D, địa chỉ tại Khu phố 4, phường A, thị xã T, Bình Dương và có sử dụng ma túy. Để có ma túy sử dụng và bán cho khách, các bị cáo đã mua ma túy từ nhiều nguồn khác nhau và mượn ma túy của nhau để bán cho khách.

Vào khoảng 00 giờ 00 phút ngày 24/6/2018, tại quán Bar D, bị cáo Nguyễn Thị Phương T đang bán cho khách hàng 20 viên thuốc lắc với giá 270.000 đồng/viên và 01 chम्म khay với giá 1.000.000 đồng/chम्म thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Kết luận giám định số 373/MT-PC54 ngày 29/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu viên nén (16 viên) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 6,2831 gam (M1), loại MDMA, Ketamine; mẫu viên nén (04 viên) gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,6140 gam (M2), loại MDMA; mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3626 gam (M3), loại Ketamine. Trong số ma túy trên thì có 12 viên là của Võ Minh H; 0,3626 gam Ketamine là của Dương Chí H cho T mượn để bán cho khách, do đó H, H phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo T đối với số lượng ma túy mình cho T mượn.

Đối với khối lượng ma túy 6,2831 gam (M1), gồm hai loại MDMA và Ketamine (chất ma túy khác ở thể rắn). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định đến Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh để xác định trọng lượng cụ thể chất MDMA và Ketamine. Tại văn bản số 2856/C54B ngày 19/7/2018, Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh trả lời trưng cầu giám định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không thuộc nhóm đối tượng phải giám định hàm lượng theo Thông tư liên tịch 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015, do đó áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo về trọng lượng chất ma túy để quyết định khung hình phạt.

Ngoài ra, vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 08/6/2018 và ngày 22/6/2018 cũng tại quán Bar D, bị cáo T đã bán ma túy cho Hoàng Thái B, Phạm Duy T mỗi lần 01 (một) viên thuốc lắc với giá 300.000 đồng và ½ chम्म Ketamine với giá 500.000 đồng.

Như vậy, hành vi bị cáo Nguyễn Thị Phương T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Dương Chí H đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Võ Minh H, ngoài hành vi cho T mượn ma túy để mua bán trái phép, bị cáo còn có hành vi tàng trữ 01 (một) viên thuốc dạng nén màu xanh tại nơi ở của mình

nhằm mục đích để sử dụng. Kết luận giám định số 374/MT-PC54 ngày 29/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đối với số ma túy thu giữ của H, kết luận: Mẫu viên nén gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,2880 gam, loại MDMA. Hành vi của các bị cáo Võ Minh H đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 22/6/2018, các bị cáo Hoàng Thái B, Phạm Duy T cùng góp tiền mua của Nguyễn Thị Phương T 01 (một) viên thuốc lắc với giá 300.000 đồng và ½ chम्म Ketamine với giá 500.000 đồng tại quán Bar D để sử dụng thì bị phát hiện bắt phạm tội quả tang. Kết luận giám định số 368/MT-PC54 ngày 27/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận về số ma túy thu giữ của B, T: Mẫu viên nén là ma túy, có khối lượng: 0,3956 gam (M1), loại MDMA; Mẫu tinh thể là ma túy, có khối lượng 0,3561 gam (M2), loại Ketamine. Hành vi các bị cáo Hoàng Thái B, Phạm Duy T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Đối với lời khai nhận của B, T về việc mua ma túy của T vào ngày 08/6/2018 và đã sử dụng hết, do vật chứng không được thu giữ nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm về hành vi này.

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 23/6/2018, bị cáo Nguyễn Văn N bán cho Lê Thanh H 01 viên thuốc lắc giá 270.000 đồng và 01 chम्म Ketamine giá 900.000 đồng. Do N không đi giao ma túy được cho H nên thuê Trần Văn L với tiền công 200.000 đồng để L điều khiển xe mô tô biển số 98H2- 2923 đến quán bar Diamond Luxury II lấy ma túy đem đến quán Bar N giao cho H. Khi L đang trên đường vận chuyển thì bị lực lượng Công an bắt phạm tội quả tang, thu giữ tang vật. Kết luận giám định số 371/MT-PC54 ngày 28/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đối với số ma túy thu giữ của Trần Văn L kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,7083 gam (M1), loại Ketamine; mẫu viên nén gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3675 gam (M2), loại MDMA.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Lê Thanh H khai nhận, ngoài lần mua bán trên, trước đó H đã có một lần mua ma túy của bị cáo N. Tại phiên tòa, bị cáo N chỉ thừa nhận một phần lời khai của H. Ông H cũng không xác định được những lần mua trước là loại ma túy gì, mà chỉ khai là mua “viên kẹo”. Đối với lời khai của Dương Chí H xác định, H có mượn ma túy của N để bán cho khách nhưng chưa trả cho N thì bị bắt. N không thừa nhận bán ma túy cho H mà chỉ cho H mượn và trả lại bằng ma túy. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Tòa án sẽ xét xử bị cáo N theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, qua xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo N và ông H mặc dù đều thừa nhận N nhiều lần bán ma túy cho H nhưng không xác định được loại ma túy đã mua bán cụ thể là loại gì, chất ma túy không được thu giữ. Xét, ngoài lời khai của H, không còn chứng cứ nào khác xác định Nguyễn Văn N nhiều lần bán ma túy cho Lê Thanh H nên Hội đồng xét xử xét xử bị cáo N về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi bị cáo N đã thực hiện.

Hành vi của Trần Văn L nhận ma túy từ bị cáo N để đi giao cho Lê Thanh H để nhận tiền công vận chuyển đã đủ yếu tố cấu thành tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An truy tố các bị cáo Hoàng Thái B, Phạm Duy T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn L về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Chí H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương T về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Võ Minh H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt đối với các bị cáo T, H, H, L là phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Về đề nghị hình phạt đối với các bị cáo Ng, B, T là chưa tương xứng với hành vi các bị cáo đã thực hiện. Xét thấy, các bị cáo Hoàng Thái B và Phạm Duy T có nhân thân tốt, việc phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số lượng ma túy tàng trữ có khối lượng ít nên áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; mức đề nghị hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn N là còn nhẹ nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi bị cáo N đã thực hiện.

Lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo T là có căn cứ, phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo T là có căn cứ nên chấp nhận.

Lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo N đề nghị áp dụng mức hình phạt hai năm tù đối với bị cáo là chưa tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện nên không chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây ra sự nghiện ngập và mằm mống của các tệ nạn xã hội khác nhưng vì muốn có ma túy sử dụng và hưởng lợi từ việc mua bán, vận chuyển ma túy nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Trong vụ án này, đa số các bị cáo là người sử dụng ma túy, việc mua bán, tàng trữ ma túy cũng chủ yếu nhằm mục đích để có sử dụng ma túy, vì vậy khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội các bị cáo đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, các bị cáo đề là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, là người nhiều lần bán trái phép chất ma túy nên tính chất nguy hiểm cho xã hội của bị cáo T cao hơn các bị cáo khác. Về cá thể hóa hình phạt: Bị cáo T phải chịu trách nhiệm đối với số lượng ma túy bán cho B, T và tổng số lượng

ma túy thu giữ khi bị bắt phạm tội quả tang; bị cáo H phải chịu trách nhiệm đối với số ma túy cho T mượn và số ma túy mà H tàng trữ; bị cáo C.H phải chịu trách nhiệm đối với 0,3626, loại Ketamine cho T mượn.

Bị cáo Võ Minh H cùng một lần bị xét xử về hai tội nên áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[3] Về lời khai của các bị cáo T, N, H, C.H có mượn ma túy của nhau để bán lại cho khách và trả lại bằng loại ma túy đã mượn hoặc bằng tiền nhưng không xác định được số lượng ma túy đã mượn, đã bán nên không có căn cứ xử lý về hành vi này.

[4] Đối với các đối tượng tên Ty, Ry, Nhóc Tư (Tư Ếch), Tùng Em là người bán ma túy cho T, H, N và các đối tượng tên Hưng, Kiều, Tuấn, Minh, Thủy, Hoa, Hùng là người mua ma túy của H; Muôn Mập, Huy mua ma túy của Nghĩa hiện chưa rõ nhân thân lại lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[5] Đối với đối tượng Lê Thanh H là người liên lạc để mua ma túy của N để sử dụng nhưng không nhận được ma túy. Tại thời điểm Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương làm việc với H không Test ma túy nên Công an thị xã Thuận An không xem xét xử lý hành chính đối với H.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Thái B có thành tích xuất sắc trong công tác bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn được cấp có thẩm quyền tặng giấy khen, bị cáo có cha là Hoàng Đình T được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương nên bị cáo B được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và có cha là Võ Minh H được tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang; bị cáo T có cha là Phạm Khắc T được công nhận Dũng sỹ quyết thắng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì; bị cáo L là người không biết chữ nhận thức hạn chế nên các bị cáo H, T, L được thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Nouvo LX biển số 61D1-32688, số khung RLCN5P110CY470338, số máy 5P11-470344 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61D1-32688 thu giữ của bị cáo T. Quá trình điều tra xác định là xe của bà Dương Thị H đứng tên chủ sở hữu, bà H là di ruột của bị cáo T và cho T mượn để sử dụng đi làm không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà H là đúng quy định.

Đối với chất ma túy thu giữ trong vụ án đựng trong các bì thư niêm phong ký hiệu 368/PC54, 371/PC54, 373/PC54 và 374/PC54 không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu đen có gắn sim thuê bao số 0944250293 thu giữ của B, đây là phương tiện bị cáo B sử dụng để liên lạc mua ma túy của T; 01 xe mô tô hiệu Nouvo màu vàng đen biển số 60F1-381.44 do Phạm Duy T đứng tên sở hữu và sử dụng làm phương tiện trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động Samsung màu trắng có gắn sim thuê bao số 01669633141 thu giữ của bị cáo L là phương tiện bị cáo L sử dụng để liên lạc giao ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen có gắn sim thuê bao số 0967545474 là phương tiện bị cáo N sử dụng để liên lạc mua bán ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen trắng có gắn sim thuê bao số 0967387617 là phương tiện bị cáo T sử dụng để liên lạc mua, bán ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng có gắn sim thuê bao số 0978078669 là phương tiện bị cáo H sử dụng để liên lạc mua bán ma túy; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, số Imei 355379070395867, có gắn sim thuê bao số 01699211494 và chiếc điện thoại Iphone màu vàng trắng, số IMEI 352026061877642, không gắn sim thuê bao đều là phương tiện bị cáo C.H sử dụng liên lạc cho việc mua bán ma túy và số tiền 200.000 đồng bị cáo L có được từ hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Đây là những công cụ, phương tiện liên quan đến việc phạm tội và tiền do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô biển số 98H2-2923, số khung LLCLXL30XY0036526, số máy VDP1P52FMH701086, qua điều tra xác định xe do ông Lương Văn V đứng tên đăng ký nhưng đã bán cho người khác, không nhớ được lai lịch người mua. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu hợp pháp nhưng không có ai đến liên hệ giải quyết, xe không phải là vật chứng trong vụ án khác. Bị cáo L khai chiếc xe trên do một người đàn ông gây tai nạn cho bị cáo nhưng không bồi thường mà giao xe cho bị cáo L sử dụng. Xét thấy, xe mô tô trên bị cáo L dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 8.500.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số 9704050724794024 tên NGUYEN VAN T, thu giữ khi bắt bị cáo N, các tài sản này là của ông Nguyễn Văn T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho ông T.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu trắng có gắn sim thuê bao số 0974271251 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Duy T thu giữ của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

Đối với 01 chứng minh nhân dân Hoàng Thái B và 01 chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Phương T đây là tư vật của các bị cáo nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu bạc có gắn sim thuê bao số 01655081812 thu giữ của Nguyễn Văn N, xét chiếc điện thoại này không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo N.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 93C1-108.42, số khung RLHJF 5815GY608556, số máy JF66E-0608592 thu giữ của bị cáo H, xét chiếc xe này không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với Nguyễn Thị Phương T);

- Khoản 1 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với Võ Minh H);

- Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với Dương Chí H, Nguyễn Văn N);

- Điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với Trần Văn L);

- Điểm c khoản 1 Điều 249; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với Hoàng Thái B);

- Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 47; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với Phạm Duy T);

- Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Văn N, Dương Chí H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo Võ Minh H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo Trần Văn L phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy; các bị cáo Hoàng Thái B, Phạm Duy T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương T 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2018.

Xử phạt bị cáo Võ Minh H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 01 (một) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung hai tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2018.

Xử phạt bị cáo Dương Chí H 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2018.

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/6/2018.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thái B 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/6/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/6/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền 8.500.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank số 9704050724794024 tên NGUYEN VAN TUAN.

Trả lại cho bị cáo Võ Minh H xe mô tô hai bánh (kiểu dáng Vision), nhãn hiệu Honda, số loại JF581 Vision, dung tích xy lanh 108,2 cm³, mang biển số 93C1-108.42, số khung RLHJF 5815GY608556, số máy JF66E-0608592.

Trả lại cho bị cáo Phạm Duy T 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, IMEI 359403084458234 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Duy T.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Thái B 01 chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thái B.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Phương Tr 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Phương T.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc, IMEI 353264074404638.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 xe mô tô hai bánh (kiểu dáng Dream) dung tích xy lanh 107cm³, mang biển số 98H2-2923, số khung LLCLXL30XY0036526, số máy VDP1P52FMH701086 (nhãn hiệu và số loại: Không tìm thấy trong danh sách về thông số kỹ thuật xe mô tô, xe máy lắp ráp mới tại Việt Nam đã được Cục đăng kiểm Việt Nam chứng nhận);

- 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo -1DB1, xy lanh 124,9cm³, biển số 60F1-381.44, số khung: RLCN1DB10EY225500, số máy: 1DB1-225517;

- Số tiền 200.000 đồng;

- 01 điện thoại di động Iphone màu đen, IMEI 356697085656067;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc IMEI 355426076872991;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, IMEI 353804086415757;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, IMEI 352030077129444;

- 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, số IMEI 355379070395867;

- 01 chiếc điện thoại Iphone màu vàng trắng, số IMEI 352026061877642;
- 01 điện thoại di động Samsung màu trắng, IMEI 358420/06013714/6.

Tịch thu tiêu hủy bì thư niêm phong ký hiệu 368/PC54, bì thư niêm phong ký hiệu 371/PC54, bì thư niêm phong ký hiệu 373/PC54, bì thư niêm phong ký hiệu 374/PC54 và 01 vỏ hộp hiệu DOUBLEMINT

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/12/2018 và ủy nhiệm chỉ ngày 11/12/2018)

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Văn N, Dương Chí H, Võ Minh H, Trần Văn L, Hoàng Thái B, Phạm Duy T mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- CQĐT Công an thị xã Thuận An;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, THAHS, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ